

Số: 402 /BC-BCĐLN

Bắc Giang, ngày 26 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả triển khai công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm năm 2017; phương hướng nhiệm vụ năm 2018

Thực hiện Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) trong tình hình mới; Kế hoạch số 1542/KH-UBND ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước (QLNN) về ATTP. Ban Chỉ đạo liên ngành (BCĐLN) về ATTP tỉnh Bắc Giang báo cáo kết quả triển khai công tác QLNN về ATTP năm 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018 như sau:

Phần thứ nhất:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2017

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Tuyên tỉnh

- *UBND tỉnh*: Ban hành Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 Quy định phân cấp QLNN về ATTP thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 10/02/2017 về phòng, chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Kế hoạch số 741/KH-UBND ngày 17/3/2017 về năm cao điểm hành động vệ sinh ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Công văn 894/UBND-KGVX ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc triển khai Tháng hành động vì ATTP năm 2017; tổ chức hội nghị kiểm điểm công tác QLNN về ATTP năm 2016, quý I và 6, 9 tháng đầu năm 2017; tổ chức các hội nghị về cung - cầu thực phẩm an toàn.

- *BCĐLN về ATTP tỉnh*: Ban hành Kế hoạch số 55/KH-BCĐLN ngày 06/01/2017 triển khai công tác QLNN về ATTP năm 2017 (*Kế hoạch 55*); Công văn số 594/BCĐLN-KGVX ngày 06/3/2017 tăng cường công tác bảo đảm ATTP, chủ động phòng ngừa ngộ độc rượu và các độc chất tự nhiên; Công văn số 2220/BCĐLN-KGVX ngày 04/7/2017 tăng cường công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm (NĐTP) và bệnh truyền qua thực phẩm; công văn chỉ đạo triển khai công tác bảo đảm ATTP dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu và Lễ hội Xuân, Tháng hành động vì ATTP, Tết Trung thu năm 2017; tiến hành kiểm tra, giám sát công tác QLNN về ATTP đối với 10 huyện, thành phố và 10 xã, phường, thị trấn.

- Các cơ quan QLNN về ATTP tuyến tỉnh (Sở Y tế, Sở NN&PTNT, Sở Công Thương): Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác QLNN về ATTP năm 2017 theo lĩnh vực quản lý của ngành; thành lập Đội điều tra truy xuất nguồn gốc thực phẩm, Đội điều tra xử trí vụ NĐTP; tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát ATTP, phòng ngừa sự cố về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán và Lễ hội Xuân, Tháng hành động vì ATTP, mùa hè, mùa bão lũ, Tết Trung thu năm 2017; tăng cường thực hiện chỉ đạo tuyến về ATTP; triển khai điều tra, thống kê, phân loại cơ sở thực phẩm.

- Các sở, ban, ngành khác là thành viên BCĐLN về ATTP: Ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác QLNN về ATTP theo nhiệm vụ ngành được phân công và theo chỉ đạo của UBND, BCĐLN về ATTP tỉnh trong các dịp cao điểm (dịp Tết, Tháng hành động vì ATTP, mùa hè...).

- Các tổ chức chính trị - xã hội: Chỉ đạo các đơn vị theo ngành dọc triển khai hoạt động tuyên truyền, vận động và giám sát ATTP; chỉ đạo các HTX, tổ phụ nữ liên kết sản xuất - kinh doanh sản phẩm nông nghiệp thực hiện cam kết về sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn; duy trì hoạt động của các câu lạc bộ vệ sinh môi trường, mô hình câu lạc bộ "xây dựng gia đình 5 không 3 sạch"; tiếp tục phát triển các mô hình trồng rau sạch, chăn nuôi sạch; triển khai giám sát, nắm bắt kiến nghị của người lao động về chất lượng dinh dưỡng và ATTP đối với bữa ăn ca tại doanh nghiệp.

2. Tuyến huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn (tuyến huyện, xã)

- 10/10 huyện, thành phố; 230/230 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã kiện toàn BCĐLN về ATTP do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng Ban; xây dựng kế hoạch triển khai công tác bảo đảm ATTP năm 2017 và tăng cường thực hiện trong dịp Tết Nguyên đán, mùa Lễ hội xuân, Tháng hành động vì ATTP, mùa hè, mùa bão lũ, Tết Trung thu năm 2017; phân công lãnh đạo, chuyên viên kiêm nhiệm theo dõi, quản lý công tác ATTP; thành lập Đội điều tra truy xuất nguồn gốc thực phẩm của huyện, thành phố; thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về ATTP; tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 1542/KH-UBND ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm QLNN về ATTP; định kỳ hàng quý tổ chức hội nghị kiểm điểm công tác QLNN về ATTP, đẩy mạnh hoạt động cung - cầu sản phẩm nông sản thực phẩm an toàn; tiến hành kiểm tra, giám sát công tác QLNN về ATTP đối với UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn; phối hợp với MTTQ và các đơn vị thành viên tăng cường triển khai vận động, giám sát ATTP.

- 10/10 huyện, thành phố đã xây dựng và triển khai Đề án/ kế hoạch quản lý thức ăn đường phố/ quản lý hoạt động kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống xung quanh các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn theo Thông báo kết luận số 85/TB-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang; xây dựng, triển khai kế hoạch phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP.

Mặc dù công tác QLNN về ATTP đã được các ngành, các cấp tăng cường chỉ đạo triển khai, nhưng việc tổ chức thực hiện ở một số huyện, xã chưa đồng

đều; hiệu quả chỉ đạo, triển khai còn hạn chế; UBND một số xã, phường chưa chỉ đạo, triển khai quyết liệt công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn, việc phân công cán bộ kiêm nhiệm làm công tác ATTP thuộc lĩnh vực công thương gặp khó khăn theo vị trí việc làm, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý, kiểm soát ATTP theo phân cấp. Việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện phối hợp vận động, giám sát bảo đảm ATTP của UBNDTTQ và đơn vị thành viên tại một số địa phương chưa thực sự chủ động, kịp thời, kết quả triển khai thực hiện năm 2017 đối với Kế hoạch phối hợp số 296/KHPPH-UBND-MTTQ ngày 02/12/2016 của UBND và UBNDTTQ tỉnh (*Kế hoạch 296*) còn hạn chế, chưa thực sự phát huy được hiệu quả từ hoạt động giám sát ATTP.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu cơ bản về ATTP

Các ngành, các địa phương đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác QLNN về ATTP năm 2017 và tổ chức thực hiện chỉ tiêu cơ bản về ATTP, kết quả đạt được đáng khích lệ, góp phần đạt mục tiêu Kế hoạch 55 của BCĐLN về ATTP tỉnh, Kế hoạch 296 của UBND và UBNDTTQ tỉnh trong năm 2017 đề ra (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*). Tuy nhiên, đa số các huyện, thành phố chưa giao chỉ tiêu và đánh giá tiến độ thực hiện chỉ tiêu cơ bản về ATTP đối với tuyến xã và các đơn vị chức năng, một số chỉ tiêu đề ra đạt kết quả chưa cao như: Tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn Vietgap/ công nhận sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận/ ký cam kết ATTP đối với cơ sở thực phẩm, hợp tác xã, hộ gia đình; tập huấn/ xác nhận kiến thức ATTP; xây dựng mô hình vận động và giám sát bảo đảm ATTP...

2. Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về ATTP

2.1. Truyền thông về ATTP: Toàn tỉnh tổ chức 83 buổi lễ/hội nghị phát động Tháng hành động vì ATTP năm 2017, huy động 143.819 người tham gia; tổ chức nói chuyện, hội thảo, tập huấn được 2.342 buổi với 88.934 lượt người tham gia (*tăng 1.443 buổi và 43.984 lượt người so với năm 2016*); tuyên truyền trên Báo Bắc Giang, Đài phát thanh, truyền hình được 14.470 lượt (*tăng 1.620 lượt so với năm 2016*); trên loa, đài thôn, khu phố được 41.968 lượt (*tăng 4.494 lượt so với năm 2016*); sử dụng 18.247 sản phẩm tuyên truyền các loại (*tăng 6.993 sản phẩm tuyên truyền so với năm 2016*).

Ngoài ra, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã tổ chức 6.475 cuộc tuyên truyền lồng ghép trong các buổi sinh hoạt Hội về nội dung các văn bản pháp luật về ATTP với 401.201 lượt hội viên tham dự về các tiêu chí 3 sạch, kiến thức khoa học kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản thực phẩm sạch, kiến thức lựa chọn, bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn, biện pháp phòng ngừa NĐTP và dịch bệnh trên đàn vật nuôi, cây trồng; tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình vệ sinh ATTP gắn với cuộc vận động □Phụ nữ cả nước thực hiện vệ sinh ATTP vì sức khỏe gia đình và cộng đồng”, “xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” với 145.790 lượt thành viên tham gia; vận động 12.433 hội viên ký cam kết sản xuất, kinh doanh, sử dụng rau, thịt an toàn, đăng ký trồng vườn rau sạch, nuôi thả gà đồi bảo đảm an toàn. Đoàn thanh niên các cấp tuyên truyền, vận động đoàn viên và nhân dân áp dụng các tiến bộ

khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất lương thực, thực phẩm an toàn, xây dựng các mô hình điểm về sản xuất nông sản an toàn trong thanh niên; tổ chức 1.050 buổi sinh hoạt chi đoàn và 100 hội thảo, tập huấn về ATTP với 36.000 lượt đoàn viên thanh niên tham gia.

Tuy nhiên, hoạt động tuyên truyền bằng hình ảnh trực quan như khẩu hiệu, pano, áp phích... tại các chợ, khu vực đông dân cư và tổ chức tuyên truyền, tư vấn về ATTP trực tiếp cho người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm còn hạn chế, chưa thực sự thu hút được sự quan tâm và có tác động mạnh mẽ làm thay đổi hành vi về ATTP. Các huyện, thành phố không báo cáo kết quả tổ chức triển khai hội thi tìm hiểu kiến thức về ATTP theo chỉ đạo tại Kết luận số 234/TB-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh.

2.2. Thông tin về ATTP

- Các địa phương đã duy trì việc công khai các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử và thông báo đến doanh nghiệp, trường học có tổ chức bếp ăn tập thể để tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, sử dụng nguồn thực phẩm an toàn. Tuy nhiên, số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn được các địa phương công khai, chỉ dẫn địa chỉ tới người tiêu dùng còn ít, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Công khai đường dây nóng về ATTP: Các ngành chức năng, các địa phương duy trì công khai đường dây nóng về ATTP trên trang thông tin điện tử để tiếp nhận, xử lý những thông tin phản ánh, tố giác các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh vi phạm về ATTP; tiếp nhận và giải quyết 31 kiến nghị, phản ánh về ATTP (*huyện Lạng Giang 09, Yên Thế 02, Tân Yên 18; Sở Y tế 02*).

2.3. Tập huấn, giáo dục về ATTP

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở NN&PTNT, Sở Công Thương, BCĐLN về ATTP các huyện, thành phố tổ chức 68 lớp tập huấn kiến thức quản lý, kiểm tra về ATTP cho 3.821 cán bộ là thành viên BCĐ LN về ATTP huyện, xã và cán bộ làm công tác ATTP trong ngành y tế tại các cấp.

- Ngành NN&PTNT tổ chức 118 lớp tập huấn, hội thảo cho 6.742 người; trong đó, 116 lớp tập huấn cho 6.592 người là chủ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và nông dân về các văn bản pháp luật quy định về ATTP, phổ biến, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản ban đầu, phổ biến kỹ thuật sản xuất vải thiều, vệ sinh thú y, giết mổ, chăn nuôi bảo đảm an toàn; 01 lớp tập huấn cho 50 người và 01 cuộc hội thảo về ATTP cho 100 người là cán bộ làm công tác ATTP tại tuyến tỉnh, huyện.

- Ngành công thương đã triển khai 08 lớp tập huấn cho 900 người là cán bộ làm công tác ATTP và chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

- Ngành GD&ĐT triển khai việc tích hợp nội dung giáo dục bảo đảm ATTP vào các môn học chính khóa, ngoại khóa cho học sinh trong các trường học nhằm thay đổi nhận thức, hành vi về ATTP cho học sinh, sinh viên.

Qua kiểm tra, giám sát tại tuyến xã, nhiều cán bộ làm công tác ATTP chưa nắm được kiến thức, nghiệp vụ về quản lý, kiểm tra đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý ATTP theo phân cấp.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với cơ sở thực phẩm

3.1. Thành lập các đoàn kiểm tra: Tại các cấp thành lập 842 đoàn/tổ kiểm tra về ATTP (tăng 286 đoàn/tổ kiểm tra so với năm 2016); bao gồm: 750 đoàn/tổ liên ngành, 92 đoàn/tổ chuyên ngành, trong đó: tuyến tỉnh: 75 đoàn; tuyến huyện, thành phố: 44 đoàn; tuyến xã, phường: 723 đoàn.

3.2. Thanh tra, kiểm tra đối với cơ sở thực phẩm:

a) Kết quả thanh tra, kiểm tra về ATTP:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Cơ sở thu gom	544	83	65	78,3
2	Cơ sở giết mổ	883	473	406	85,8
3	Cơ sở sản xuất	4.166	1.760	1.455	82,7
4	Cơ sở kinh doanh	14.008	5.540	4.397	79,4
5	Dịch vụ ăn uống	1.723	1.605	1.282	79,9
6	Bếp ăn tập thể	732	533	492	92,3
7	Kinh doanh thức ăn đường phố	618	587	509	86,7
	Tổng số (1 - 7)	22.674	10.581	8.606	81,3

Tiến hành thanh tra, kiểm tra 10.581 cơ sở thực phẩm (tăng 5.380 cơ sở so với năm 2016), tỷ lệ cơ sở đạt vệ sinh chiếm 81,3%. Trong đó: Tuyến xã, phường, thị trấn kiểm tra 5.922 cơ sở, phát hiện 1.008 (17,0%) cơ sở có vi phạm; tuyến huyện, thành phố kiểm tra 3.410 cơ sở, phát hiện 716 (20,9%) cơ sở vi phạm; tuyến tỉnh kiểm tra 1.249 cơ sở, phát hiện 251 (20,1%) cơ sở vi phạm.

b) Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm: Qua kiểm tra, phát hiện 1.975 cơ sở có vi phạm về ATTP, tiến hành xử phạt 528 (26,7%) vụ vi phạm (cảnh cáo: 17, phạt tiền: 511), với số tiền 1.859,357 triệu đồng (so với năm 2016, phạt tiền tăng 352,478 triệu đồng); khởi tố 01 vụ với hành vi vi phạm về làm giả mỳ chính Ajinomoto (159kg), trong đó: Tuyến xã, phường xử phạt 29 cơ sở (cảnh cáo 5, phạt tiền 24) với số tiền 29,5 triệu đồng; tuyến huyện, thành phố xử phạt 268 cơ sở (cảnh cáo 12, phạt tiền 256) với số tiền 666,057 triệu đồng; tuyến tỉnh xử phạt 231 cơ sở với số tiền 1.163,8 triệu đồng. Các lỗi vi phạm chủ yếu là do cơ sở thực phẩm chưa chấp hành việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; không có giấy đăng ký kinh doanh; vi phạm về ghi nhãn hàng hóa; điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị không đạt quy định; người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm chưa được khám sức khỏe định kỳ theo quy định; không thực hiện kiểm dịch vận chuyển và kinh doanh sản phẩm động vật nhập lậu; kinh doanh, vận chuyển thực phẩm không bảo đảm vệ sinh, không rõ nguồn gốc, xuất xứ...

Ngoài ra, đơn vị chức năng thuộc ngành Công an, Công Thương, NN&PTNT đã tăng cường công tác đấu tranh, kiểm soát chống buôn lậu, gian

lận thương mại trong sản xuất, kinh doanh và lưu thông thực phẩm, tịch thu 2.360 lít rượu, 250 quả rượu dừa, 5.000 kg bắp cải; buộc tiêu hủy 14.000 con gia cầm giống, 520 con chim bồ câu, 45 chai dầu hào loại 730ml/chai, 30 can xì dầu loại 1.600 ml/can, 540 kg lợn chết không rõ nguyên nhân; giá trị tang vật vi phạm ước tính 906,307 triệu đồng.

Ngành NN&PTNT tiến hành kiểm tra 134 cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; lấy 58 mẫu thức ăn chăn nuôi, 56 mẫu thuốc thú y để kiểm tra, phân tích đánh giá chất lượng và chất cấm, kết quả có 20 mẫu vi phạm (*03 mẫu vi phạm về nhãn hàng hóa, 17 mẫu vi phạm về chất lượng*). Kiểm tra 132 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV, lấy 52 mẫu giống lúa, 06 mẫu hạt rau giống, 33 mẫu thuốc BVTV, 52 mẫu phân bón để kiểm tra, phân tích chất lượng; kết quả có 10 mẫu thóc giống vi phạm chất lượng, 05 mẫu thuốc bảo vệ thực vật vi phạm về nhãn và chất lượng, 01 mẫu phân bón vi phạm về chất lượng.

Trên thực tế, công tác thanh tra, kiểm tra đối với cơ sở thực phẩm còn hiện tượng trùng chéo tại một số ngành và tại các địa phương; chất lượng, hiệu quả kiểm tra, xử lý vi phạm về ATTP ở tuyến xã, phường và các Đoàn kiểm tra chuyên ngành tuyến huyện, thành phố còn hạn chế; việc triển khai truyền truyền, hướng dẫn thực hành đúng ATTP trong quá trình kiểm tra chưa được tăng cường thực hiện; số lượng cơ sở thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành NN&PTNT, Công Thương do cấp huyện, xã quản lý được kiểm tra định kỳ đạt tỷ lệ thấp (*cơ sở thu gom 15,3%; giết mổ 53,6%; sản xuất 42,2%; kinh doanh 39,5% so với tổng số cơ sở thực phẩm*).

3.3. Hoạt động giám sát về ATTP:

a) *Kết quả phối hợp vận động và giám sát ATTP:* Đa số các Tổ kiểm tra liên ngành của cấp xã đã có sự tham gia, phối hợp của MTTQ và đơn vị thành viên; một số huyện, thành phố (TP. Bắc Giang, Lục Ngạn...), Chi cục ATVSTP đã phối hợp với Ủy ban MTTQ/ các đơn vị thành viên triển khai truyền truyền, vận động và giám sát ATTP trong quá trình kiểm tra tại cơ sở thực phẩm, bước đầu góp phần nâng cao nhận thức, cải thiện tình trạng ATTP của cơ sở thực phẩm và định hướng cho công tác truyền thông về ATTP của các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm sát thực tế, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, việc tổ chức giám sát về ATTP của MTTQ và các đơn vị thành viên đối với đơn vị quản lý, tham gia QLNN về ATTP tại các cấp chưa được thực hiện; chưa triển khai được đồng bộ việc phối hợp vận động và giám sát ATTP đối với cơ sở thực phẩm tại các cấp.

b) *Giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm:*

* *Viện Kiểm nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia:* Lấy 30 mẫu giò, chả tại một số chợ trên địa bàn TP. Bắc Giang, phát hiện 63,3% mẫu dương tính với hàn the, kết quả định lượng Natri borate từ 203 - 2.796 mg/kg. Sở NN&PTNT, UBND TP. Bắc Giang đã chỉ đạo, triển khai việc kiểm tra đột xuất đối với các cơ sở kinh doanh giò chả và xử lý các vi phạm theo quy định.

* *Ngành NN&PTNT*: Lấy 75 mẫu nông sản (10 mẫu thịt gà, 6 mẫu thịt lợn, 5 mẫu cá, 25 mẫu rau, 8 mẫu vải thiều, 21 mẫu giò chả); 23 mẫu có kết quả kiểm nghiệm, trong đó 02 mẫu thịt vi phạm chỉ tiêu vi sinh (52 mẫu chưa có kết quả).

* *Ngành công thương*: Lấy 135 mẫu thực phẩm (40 mẫu bánh, kẹo, sản phẩm từ tinh bột; 30 mẫu nước giải khát; 20 mẫu sữa và sản phẩm từ sữa; 10 mẫu dầu thực vật; 35 mẫu rượu), kết quả: tỷ lệ mẫu đạt yêu cầu về giới hạn vi khuẩn E.coli chiếm 99%; đạt yêu cầu về hàm lượng Aldehyd trong rượu chiếm 90,0%; đạt yêu cầu về nấm men, nấm mốc chiếm 87,5%.

* *Ngành Y tế*:

- Kiểm nghiệm bằng test nhanh tại các tuyến được 12.600 mẫu thực phẩm; tỷ lệ mẫu đạt yêu cầu chiếm 99,8%;

- Kiểm nghiệm định lượng môi nguy ô nhiễm: Lấy 153 mẫu thực phẩm, dụng cụ, bàn tay người chế biến thực phẩm để kiểm nghiệm chỉ tiêu vi khuẩn E.coli, Coliforms, S. aureus (Tụ cầu), có 62,7% (96/153) mẫu đạt yêu cầu; 37,3% (57/153) mẫu không đạt hoặc có sự hiện diện của vi khuẩn, cụ thể:

+ *Thực phẩm sống chưa qua sơ chế và chế biến*:

✓ *Nhóm rau, củ, quả*: Kiểm nghiệm 20 mẫu, phát hiện 95,0% (19/20) mẫu không đạt yêu cầu hoặc có sự hiện diện của vi khuẩn E.coli, Coliforms, cụ thể: 06/06 (100%) mẫu kinh doanh tại chợ, 08/08 (100%) mẫu tại bếp ăn tập thể doanh nghiệp, 05/06 (83,0%) mẫu tại bếp ăn tập thể Trường Mầm non. 100% mẫu không phát hiện vi khuẩn Tụ cầu.

✓ *Nhóm thịt, thủy sản (cá)*: Kiểm nghiệm 31 mẫu, phát hiện 51,6% (16/31) mẫu không đạt yêu cầu hoặc có sự hiện diện của vi khuẩn E.coli, Coliforms, cụ thể: 05/17 (29,4%) mẫu kinh doanh tại chợ; 06/08 (75%) mẫu tại bếp ăn tập thể doanh nghiệp; 05/06 (83,0%) mẫu tại bếp ăn tập thể Trường Mầm non. 100% mẫu không phát hiện ô nhiễm vi khuẩn Tụ cầu.

+ *Thực phẩm đã qua sơ chế (làm sạch) nhưng chưa chế biến nhiệt*:

✓ *Nhóm rau, củ, quả*: Kiểm nghiệm 14 mẫu, phát hiện 50,0% (7/14) mẫu không đạt yêu cầu hoặc có sự hiện diện của vi khuẩn E.coli, Coliforms (giảm 45% số mẫu ô nhiễm vi sinh so với mẫu thực phẩm chưa qua sơ chế, chế biến), cụ thể: 03/08 (37,5%) mẫu tại bếp ăn tập thể doanh nghiệp, 04/06 (66,7%) mẫu tại bếp ăn tập thể Trường Mầm non. 100% mẫu không phát hiện vi khuẩn Tụ cầu.

✓ *Nhóm thịt, thủy sản (cá)*: Kiểm nghiệm 14 mẫu, phát hiện 35,7% (05/14) mẫu không đạt yêu cầu hoặc có sự hiện diện của vi khuẩn E.coli, Coliforms (giảm 15,9% số mẫu ô nhiễm vi sinh so với mẫu thực phẩm chưa qua sơ chế, chế biến), cụ thể: 04/08 (50,0%) mẫu tại bếp ăn tập thể doanh nghiệp; 01/06 (16,7%) mẫu tại bếp ăn tập thể Trường Mầm non. 100% mẫu không phát hiện ô nhiễm vi khuẩn Tụ cầu.

+ *Thực phẩm đã chế biến nhiệt, ăn ngay*: Kiểm nghiệm 14 mẫu rau, củ, quả và 14 mẫu thịt, cá; 100% mẫu đạt quy định về chỉ tiêu vi khuẩn E.coli, Coliforms, Tụ cầu. Kiểm nghiệm 18 mẫu rượu trắng được lấy tại các cơ sở dịch

vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố; 100% mẫu đạt quy định về hàm lượng methanol.

+ *Dụng cụ chế biến, chứa đựng thức ăn chín và bàn tay người chế biến:* Phát hiện 06/14 (42,8%) mẫu dụng cụ có sự hiện diện của vi khuẩn E.coli/Coliforms/ Tụ cầu, cụ thể: 02/08 (25,0%) mẫu tại bếp ăn tập thể doanh nghiệp; 04/06 (66,7%) mẫu tại bếp ăn tập thể Trường mầm non. Phát hiện 04/14 (28,6%) mẫu bàn tay người chế biến thực phẩm chín có sự hiện diện của vi khuẩn E.coli/Coliforms/ Tụ cầu, cụ thể: 02/08 (25%) mẫu tại bếp ăn tập thể doanh nghiệp; 02/6 (33,3%) mẫu tại bếp ăn tập thể Trường mầm non.

Với kết quả nêu trên, công tác quản lý, kiểm soát ATTP trên địa bàn tỉnh đã có chiều hướng tích cực hơn so với năm 2016, nhưng còn nhiều khó khăn, bất cập trong tổ chức thực hiện như: Số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thủ công mang tính hộ gia đình chiếm trên 90% tổng số cơ sở thực phẩm, điều kiện bảo đảm ATTP còn hạn chế; chưa có lò giết mổ tập trung; vùng sản xuất rau an toàn còn ít, số lượng không ổn định, việc áp dụng sản xuất nông nghiệp theo hướng VietGAP, VietGAPH và an toàn sinh học trong nhân dân còn hạn chế, chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa cơ sở sản xuất, kinh doanh với tiêu dùng sản phẩm thực phẩm an toàn; số chợ hạng 3 do cấp xã quản lý chiếm 84,1% tổng số, đa số các chợ đã được quy hoạch nhưng chưa bảo đảm điều kiện ATTP, còn tình trạng thực phẩm không bảo đảm an toàn, không rõ nguồn gốc được kinh doanh tại các chợ trên địa bàn tỉnh; một số UBND xã, phường đã xử phạt vi phạm về ATTP, nhưng số cơ sở được nhắc nhở, khắc phục về ATTP còn chiếm tỷ lệ 97,1% so với tổng số cơ sở có vi phạm.

4. Công tác phòng, chống dịch bệnh

4.1. Tình hình dịch bệnh: Công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh ở người, trên đàn vật nuôi (như cúm A/H5N1, cúm A/H7N9,...) được UBND các cấp, các ngành chức năng tích cực triển khai; ngành NN&PTNT đã tăng cường triển khai vệ sinh, tiêu độc khử trùng, tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; trong năm không có các dịch bệnh nguy hiểm xảy ra.

4.2. Tình hình ngộ độc thực phẩm: Trên địa bàn tỉnh không có vụ ngộ độc thực phẩm đông người xảy ra; so với năm 2016, giảm 05 vụ và giảm 232 người mắc.

5. Đầu tư nguồn lực

5.1. Nhân lực làm công tác ATTP

- *Tuyến tỉnh:* Các đơn vị QLNN về ATTP thuộc Sở Y tế, NN&PTNT, Công Thương đã bố trí cán bộ theo vị trí việc làm, bước đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- *Tuyến huyện, thành phố:* Các đơn vị y tế đã bố trí, phân công cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm; phòng NN&PTNT bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm; phòng Kinh tế - Hạ tầng bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm; riêng TP. Bắc Giang, phòng Kinh tế quản lý ATTP thuộc lĩnh vực ngành NN&PTNT, công thương đã bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm công tác ATTP.

- UBND xã, phường, thị trấn: Lĩnh vực ngành y tế phân công 01 lãnh đạo, 01 cán bộ Trạm Y tế kiêm nhiệm làm công tác ATTP; lĩnh vực ngành NN&PTNT đa số được giao cho cán bộ khuyến nông, thú y kiêm nhiệm; lĩnh vực ngành công thương giao cho cán bộ làm Giao thông - Xây dựng hoặc cán bộ làm Môi trường - Đô thị kiêm nhiệm hoặc cán bộ Thống kê.

5.2. Kinh phí: Ngoài nguồn kinh phí đầu tư phát triển các vùng nuôi trồng sản phẩm nông, lâm, thủy sản ở địa phương theo kế hoạch; toàn tỉnh đầu tư 4.960,316 triệu đồng cho công tác ATTP và phòng chống dịch bệnh:

a) Nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2016 chuyển sang năm 2017: 477 triệu đồng.

b) Nguồn kinh phí địa phương:

- Cấp tỉnh: 853 triệu đồng (Sở NN&PTNT 270 triệu đồng; Sở Công Thương 290 triệu đồng; Sở Y tế 293 triệu đồng).

- Cấp huyện: 3.197,316 triệu đồng; 10/10 huyện, thành phố đã bố trí ngân sách cho công tác quản lý, kiểm tra về ATTP và phòng chống dịch, như: TP. Bắc Giang 560 triệu đồng để triển khai thực hiện Đề án quản lý thức ăn đường phố; Yên Dũng 389,874 triệu đồng; Tân Yên 500 triệu đồng; huyện Lục Ngạn 867,692 triệu đồng; Hiệp Hòa 700 triệu đồng; Lạng Giang 503 triệu đồng; các huyện khác đầu tư 20 - 50 triệu đồng.

- Cấp xã: 433 triệu đồng; một số xã, thị trấn thuộc huyện Lạng Giang, Yên Thế, Yên Dũng, Việt Yên đã được cấp huyện đầu tư hoặc chủ động bố trí kinh phí triển khai.

Việc đầu tư kinh phí cho công tác ATTP tại các địa phương gặp khó khăn, do Trung ương chưa có hướng dẫn chi tiết việc sử dụng nguồn kinh phí từ xử phạt vi phạm ATTP theo theo tinh thần chỉ đạo tại Chỉ thị 13/TTg của Chính phủ, chưa có quy định cụ thể mục lục chi ngân sách cho công tác ATTP tại cấp huyện, xã.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

- Có sự quan tâm chỉ đạo, điều hành triển khai công tác QLNN về ATTP và phối hợp tuyên truyền, vận động, giám sát về ATTP của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, Ủy ban MTTQ và đơn vị thành viên các cấp.

- Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông, tập huấn về ATTP được các ngành, các cấp quan tâm triển khai; duy trì công khai cơ sở thực phẩm bảo đảm an toàn và đường dây nóng về ATTP.

- Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về ATTP được các ngành, các cấp tăng cường thực hiện; hoạt động phối hợp liên ngành trong tổ chức quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về ATTP từng bước được cải thiện; có sự chuyển biến về xử lý các hành vi vi phạm về ATTP tại tuyến huyện, xã.

- Công tác quy hoạch và hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh mặt hàng nông, lâm, thủy sản được tăng cường, từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.

- Công tác phòng ngừa NĐTP ở người và dịch bệnh trên đàn vật nuôi được các ngành, các cấp chủ động triển khai thực hiện.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Nhiều xã, phường chưa quyết liệt chỉ đạo triển khai công tác QLNN về ATTP, không kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về ATTP theo quy định; đa số cơ sở thực phẩm có vi phạm chỉ áp dụng biện pháp nhắc nhở, khắc phục.

- Số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản an toàn còn ít, chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Điều kiện ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản và sản xuất rượu, sản phẩm từ tinh bột có quy mô nhỏ, lẻ đa số chưa đảm bảo theo quy định; việc kinh doanh, sử dụng phụ gia thực phẩm, hóa chất BVTV, giết mổ, kiểm soát vệ sinh thú y, kinh doanh, vận chuyển thực phẩm chưa bảo đảm ATTP còn diễn ra khá phổ biến, chưa quản lý được chặt chẽ, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ATTP.

- Ủy ban MTTQ và các đơn vị thành viên ở một số địa phương chưa chủ động xây dựng kế hoạch giám sát bảo đảm ATTP đối với cơ quan, đơn vị quản lý, tham gia quản lý nhà nước về ATTP và giám sát tại các cơ sở thực phẩm.

- Nguồn lực đầu tư cho công tác đảm bảo ATTP còn thấp, chưa có định mức chi, mục lục chi kinh phí cho công tác ATTP tại cấp huyện, xã; số lượng cán bộ làm công tác ATTP và lực lượng tham gia hoạt động tuyên truyền, vận động, giám sát bảo đảm ATTP tại các cấp còn thiếu về số lượng, hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

- Ý thức chấp hành pháp luật về ATTP của một bộ phận người sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm còn hạn chế.

Phần thứ hai:

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. MỤC ĐÍCH

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và trách nhiệm triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP nhằm thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát ATTP trong toàn bộ “chuỗi cung cấp thực phẩm”, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Truyền thông kiến thức, pháp luật về bảo đảm ATTP cho nhân dân, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, góp phần bảo vệ sức khỏe, quyền lợi người tiêu dùng.

3. Triển khai có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về ATTP, kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm về ATTP, góp phần phòng chống các sự cố về ATTP ở người và các dịch bệnh trên đàn vật nuôi, cây trồng.

II. YÊU CẦU

1. Các cấp, các ngành chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai có chất lượng, đạt tiến độ đối với các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác ATTP của Trung ương và UBND tỉnh đề ra.

2. Xác định rõ nhiệm vụ của mỗi cấp, mỗi ngành, địa phương, đơn vị trong công tác quản lý nhà nước về ATTP; chủ động phối hợp liên ngành để nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát “chuỗi cung cấp thực phẩm”, tránh chồng chéo trong tổ chức, thực hiện.

3. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và thực hành đúng về ATTP của mỗi cá nhân, từng hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, tạo dư luận xã hội mạnh mẽ cổ vũ, biểu dương và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn.

4. Tiến hành thanh tra, kiểm tra thường xuyên, liên tục trong năm đối với các cơ sở thực phẩm, nhóm sản phẩm được sử dụng nhiều cho bữa ăn hằng ngày của nhân dân; định kỳ kiểm tra, giám sát đối với cơ quan quản lý, tham gia quản lý nhà nước về ATTP tại các cấp; kịp thời đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về ATTP.

5. Củng cố, duy trì hệ thống giám sát dịch bệnh trên đàn vật nuôi và ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm ở người; kịp thời áp dụng các biện pháp khắc phục khi có bệnh dịch, sự cố về ATTP xảy ra trên địa bàn.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về thể chế, chính sách

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành triển khai công tác bảo đảm ATTP; phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng cấp, từng ngành, từng đơn vị; nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của BCĐLN về ATTP các cấp. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu địa phương, đơn vị.

- Đẩy mạnh phát triển vùng sản xuất nguyên liệu thực phẩm theo hướng sản xuất lớn, gắn với việc phát triển thị trường hàng hóa nông sản an toàn; hình thành các tổ chức sản xuất tập thể theo nhóm, tổ sản xuất, HTX, ở những vùng sản xuất tập trung, chuyên canh lớn của tỉnh, nhằm xây dựng được thương hiệu sản phẩm, nhãn mác hàng hóa và kiểm soát được chặt chẽ và truy xuất được nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, tạo thành các chuỗi sản phẩm an toàn.

- Đưa chỉ tiêu bảo đảm ATTP vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quy hoạch vùng sản xuất nguyên liệu thực phẩm, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn với quy mô tập trung gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Tổ chức quản lý cơ sở thực phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm theo chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành theo quy định của Luật ATTP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, giáo dục truyền thông, đặc biệt là truyền thông thay đổi hành vi; kịp thời biểu dương các điển hình tiên tiến về ATTP, đồng thời kiên quyết phê phán những tồn tại, yếu kém, hành vi vi phạm pháp luật về ATTP.

- Tư vấn, hướng dẫn cho cơ sở thực phẩm chấp hành các quy định pháp luật về ATTP, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ATTP tiên tiến trong quản lý, sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Tăng cường hoạt động liên ngành trong quản lý và thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về ATTP.

- Tiếp tục củng cố, xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm và dịch bệnh trên đàn vật nuôi, kịp thời khắc phục các sự cố về ATTP nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại về kinh tế, sức khỏe nhân dân.

3. Giải pháp về nguồn lực

- Nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan, đơn vị, bộ phận được giao nhiệm vụ QLNN về ATTP ở các cấp, các ngành.

- Tiếp tục nâng cao năng lực phòng xét nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005 để làm cơ sở xây dựng hệ thống cảnh báo và phân tích nguy cơ về ATTP.

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác ATTP tại các tuyến; nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng thanh tra, kiểm tra về ATTP tại các cấp.

- Tăng đầu tư ngân sách cho công tác QLNN về ATTP; huy động nguồn lực trong cộng đồng tham gia thực hiện công tác bảo đảm ATTP./

Nơi nhận:

- Lưu: VT, NVY.

Bản điện tử:

- Bộ Y tế (B/cáo);
- TT HĐND tỉnh (B/cáo);
- CT UBND tỉnh Nguyễn Văn Linh - Trưởng BCĐLN về ATTP tỉnh (B/cáo);
- PCT UBND tỉnh Lê Ánh Dương - Phó Trưởng BCĐLN về ATTP tỉnh (B/cáo);
- VP UBND tỉnh;
- Các đơn vị thành viên BCD và Tổ công tác liên ngành về ATTP tỉnh;
- UB MTTQ, các tổ chức CT-XH;
- Cục ATTP Bộ Y tế;
- UBND các huyện, TP;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Chi cục ATVSTP tỉnh;
- PYT, TTYT các huyện, TP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Ông Thế Viên**

Phụ lục:

KẾT QUẢ

Thực hiện chỉ tiêu cơ bản về an toàn thực phẩm năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 402/BC-BCĐLN ngày 26/12/2017 của BCĐLN về ATTP tỉnh Bắc Giang)

TT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	Kế hoạch	Thực hiện	%
I	Lĩnh vực ATTP thuộc trách nhiệm quản lý của ngành NN&PTNT				
1	Tỷ lệ cán bộ làm công tác ATTP ở các cấp được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về ATTP	%	100	100	100,0
2	Tỷ lệ cơ sở nuôi trồng thủy sản hoặc vùng thâm canh nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn Vietgap	%	30	10,5	35,0
3	Tỷ lệ cơ sở nuôi hoặc vùng thâm canh được chứng nhận Vietgap trong nuôi trồng thủy sản	%	2,7	1,32	48,9
4	Tỷ lệ người sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành quản lý được tập huấn, phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP hoặc xác nhận kiến thức về ATTP theo quy định	%	95	85,3	89,8
5	Tỷ lệ cơ sở giết mổ, điểm giết mổ được thanh tra, kiểm tra, phân loại và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP hoặc đủ điều kiện vệ sinh thú y	%	80	70,3	87,9
6	Tỷ lệ cơ sở thu gom thực phẩm được thanh tra, kiểm tra, phân loại và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP	%	80	61,8	77,3
7	Tỷ lệ cơ sở chế biến, sản xuất thực phẩm được thanh tra, kiểm tra, phân loại và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP	%	80	62,6	78,3
8	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh thực phẩm được thanh tra, kiểm tra, phân loại và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP	%	80	63,4	79,3
II	Lĩnh vực ATTP thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương				
1	Tỷ lệ cán bộ làm công tác ATTP ở các cấp được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về ATTP	%	100	100,0	100,0
2	Tỷ lệ người sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành quản lý được tập huấn, phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP hoặc xác nhận kiến thức về ATTP theo quy định	%	95	70,3	74,0
3	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp giấy chứng nhận theo quy định	%	80	26,2	32,8
4	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp giấy chứng nhận theo quy định	%	80	26,5	33,1
5	Tỷ lệ chợ được quy hoạch và kiểm soát ATTP	%	80	58	72,5
6	Tỷ lệ cơ sở chế biến, sản xuất thực phẩm được thanh tra, kiểm tra về ATTP	%	80	51,5	64,4
7	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh thực phẩm được thanh tra, kiểm tra về ATTP	%	80	53	66,3

III Lĩnh vực ATTP thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Y tế					
1	Tỷ lệ thành viên BCĐLN về ATTP cấp huyện, xã được tập huấn kiến thức, pháp luật về ATTP	%	100	100	100,0
2	Tỷ lệ cán bộ làm công tác ATTP ở các cấp thuộc ngành y tế được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm tra về ATTP	%	100	100	100,0
3	Tỷ lệ người sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành quản lý được tập huấn, phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP hoặc xác nhận kiến thức về ATTP theo quy định	%	95	95,1	100,1
4	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp giấy chứng nhận theo quy định	%	85	98	115,3
5	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp giấy chứng nhận theo quy định	%	85	87,2	102,6
6	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp giấy chứng nhận theo quy định	%	85	92,9	109,3
7	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố được thanh tra, kiểm tra về ATTP	%	80	87,5	109,4
IV Chỉ tiêu khác về ATTP					
1	Số xã, phường, thị trấn xây dựng điểm mô hình vận động và giám sát bảo đảm ATTP	Xã, phường	34	34	100,0
2	Số thôn (bản, khu dân cư) thuộc xã (phường, thị trấn) tổ chức hoạt động tuyên truyền, vận động và kiểm tra, giám sát ATTP	Thôn, bản	2456	2.415	98,3
3	Tỷ lệ hộ gia đình đăng ký, cam kết sản xuất nông nghiệp, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn	%	50	48,5	97,0
4	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	%	30	28,7	95,7
5	Tỷ lệ số hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm đăng ký, cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	%	100	77	77,0
6	Tỷ lệ xã được công nhận nông thôn mới và phường, thị trấn được công nhận đô thị văn minh đạt tiêu chí ATTP	%	100	100,0	100,0
7	Tỷ lệ xã (phường, thị trấn) được kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP	%	50	58,5	117,0
8	Tỷ lệ bếp ăn tập thể trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học đạt đủ điều kiện bảo đảm ATTP theo quy định	%	100	99,4	99,4
9	Số người mắc trong các vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận	/100.000 dân	7	0	0,0